

Vai trò của đánh bắt thủy sản đối với người Khơ Mú ở Nghệ An

Lê Mạnh Hùng¹

¹ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: lemanhhung79@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 1 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Tóm tắt: Ở Nghệ An, Khơ Mú là tộc người cư trú lâu đời tại các vùng miền núi của tỉnh. Hoạt động sinh kế của người Khơ Mú chủ yếu bằng canh tác nương rẫy, khai thác các nguồn lợi tự nhiên từ rừng. Cùng với hoạt động sinh kế truyền thống đó, người Khơ Mú hướng đến khai thác, đánh bắt thủy sản. Mặc dù không phải là hoạt động sinh kế chính, nhưng thủy sản có vai trò nhất định đối với người Khơ Mú, nó không chỉ mang lại nguồn thực phẩm trong bữa ăn hàng ngày, giải quyết việc làm trong lúc nông nhàn, mà còn đóng góp một phần vào nguồn thu nhập cho kinh tế hộ gia đình.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, hoạt động sinh kế, người Khơ Mú.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: In Nghe An province, Khmu is an ethnic group that has lived for ages in its mountainous areas. Their livelihoods are mainly the cultivation in high fields and the exploitation of natural resources from the forests. Along with the traditional livelihoods, Khmu people also capture fish. Though not being their main livelihood, fisheries do play a role for the people, not only providing food to daily meals and jobs during agricultural slack periods but also contributing in part to the income of their household economy.

Keywords: Ethnic minority, livelihood, Khmu people.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

Ở Nghệ An, người Khơ Mú có 35.670 người (chiếm 49% số lượng người Khơ Mú cả nước), trong đó Kỳ Sơn là huyện tập trung người Khơ Mú sinh sống đông nhất với tổng dân số là 23.915 người (chiếm 67% người Khơ Mú trong tỉnh và gần 33%

người Khơ Mú trên toàn quốc [3]. Trải qua quá trình sinh sống và định canh định cư, ngày nay địa bàn cư trú của người Khơ Mú ở miền tây Nghệ An thường là ở lưng chừng núi, vùng thấp hơn là nơi ở của người Thái và trên cao là địa bàn cư trú của người Mông. Người Khơ Mú thường định cư trong các ngôi làng nhỏ ven suối, hoạt

động kinh tế chủ yếu là làm nương rẫy, đi làm thuê, chăn nuôi với hình thức thả rông và khai thác các sản phẩm tự nhiên từ rừng, sông, suối.

Hầu hết nương rẫy của người Khơ Mú được gieo trồng khá đơn giản, chủ yếu là các cây lương thực như lúa, ngô, sắn... phục vụ cho đời sống hàng ngày, hoàn toàn không có cây trồng mang tính chất hàng hóa. Đất đai canh tác của người Khơ Mú thường xấu, do đất dốc và thiếu nước vào mùa khô, nên dẫn đến tình trạng năng suất cây trồng không cao. Trong khi đó, chăn nuôi của người Khơ Mú vẫn giữ nguyên tập quán thả rông, không có chuồng trại cố định, ít được chăm sóc, nguồn thức ăn chủ yếu lấy từ tự nhiên. Chính vì vậy, năng suất chăn nuôi không cao, lại thêm nhiều dịch bệnh khiến cho việc chăn nuôi gia súc gia cầm ở người Khơ Mú trở nên rất khó khăn. Vào những lúc nông nhàn, người Khơ Mú tranh thủ đi làm thuê, công việc rất đa dạng, nhưng ngày công không cao và thiếu ổn định. Ngoài ra, họ còn vào rừng khai thác các loại cây dược liệu để bán cho thương lái. Thông qua tư liệu điền dã bằng phỏng vấn sâu, bài viết này tập trung mô tả và phân tích vai trò của thủy sản đối với sinh kế của người Khơ Mú ở 09 bản², thuộc các xã dọc sông Nậm Nơn và Nậm Mô trên địa bàn huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

2. Tập quán khai thác thủy sản của người Khơ Mú

Địa bàn có người Khơ Mú cư trú ở miền tây tỉnh Nghệ An là vùng có địa hình phức tạp, có nhiều núi cao, phần lớn sông ngòi có hướng tây bắc - đông nam và chảy trên độ dốc lớn. Về mặt khí hậu, vùng núi miền tây Nghệ An nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và tây nam. Các yếu tố khí

hậu mang tính chất phân cực mạnh, hình thành 2 mùa rõ rệt. Mùa nóng ẩm từ tháng 4 đến tháng 10. Mùa lạnh khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Vùng này có một mạng lưới sông suối dày đặc, nước chảy quanh năm, lượng nước thay đổi theo mùa. Hệ thống sông suối ở miền tây Nghệ An khá dày đặc với hai nhánh chính của hệ thống sông Cả là Nậm Nơn và Nậm Mô, cùng với đó là hàng trăm con suối lớn, nhỏ khác nhau. Khí hậu và địa hình như vậy là điều kiện lý tưởng cho nhiều loài thủy sản sinh sống, trong đó có các loài cá có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao.

Loài thủy sản được người Khơ Mú coi là có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao nhất là cá lạch, cá lăng, cá ghé và cá mát. Ngoài ra, một số nguồn lợi thủy sản được người Khơ Mú khai thác là các loại ốc nhỏ, trạch, nòng nọc và rêu. Người Khơ Mú khai thác thủy sản bằng nhiều cách, tùy thuộc vào đối tượng đánh bắt và ngư trường khác nhau. Khai thác cá bằng câu, chài, lưới... Mỗi loại ngư cụ lại sử dụng để đánh bắt những loài thủy sản có kích thước khác nhau. Chẳng hạn như chài cũng có nhiều loại, loại mắt to, mắt nhỏ, lưới cũng nhiều cỡ then 1, 2, 3, 4, 5 đến then 10. Then 1 là nhỏ nhất bằng ngón tay, bắt cá con, cá nhỏ. Ngoài lưới, chài, câu, người Khơ Mú còn dùng xúc để bắt cá, tôm, cua, nòng nọc. Người Khơ Mú ở bản Nhân Cù (xã Tà Cạ) còn bắt cá lăng bằng cách làm cho cá say lá coi. Theo họ, mỗi con cá lăng thường sống trong một hang đá sâu nên việc bắt chúng là không hề dễ dàng. Thông thường, khi đi bắt cá lăng phải đi hai người, một người nhảy xuống nước để xác định chỗ ẩn nấp của cá lăng, lấy lưới phủ kín hang để cá không thoát ra ngoài, người trên bờ có nhiệm vụ chặt lá coi về, giã nát và cho vào một mảnh vải buộc kín, sau đó nhét vào hang cá. Loại lá này sau khi được giã nhỏ tiết ra chất làm cho cá bị xót mắt, thiếu ôxy làm cho cá lăng

không chịu nổi sẽ bơi ra khỏi hang và mắc vào lưới...

Nhìn chung, một loại ngư cụ có thể đánh bắt ở những môi trường nhất định, tùy loại ngư trường mà người Khơ Mú sử dụng các loại ngư cụ cho phù hợp. Đối với người Khơ Mú, thì ngư trường chủ yếu là sông và suối. Người Khơ Mú ở một số bản gần sông như Sa Vang, Nhãn Lý, Nhã Cù (xã Tà Cạ), Hát Tà Vén (xã Keng Đu) thường xuyên ra sông đánh bắt, nhưng các nguồn lợi thủy sản từ suối vẫn là nơi khai thác quan trọng nhất đối với người Khơ Mú.

Việc sử dụng thuyền vào khai thác thủy sản của người Khơ Mú là rất hạn chế. Trong 09 bản được khảo sát chỉ có 04 bản là có thuyền dùng để đánh bắt cá với số lượng rất ít, từ 1 đến 2 thuyền. Trong khi đó, các bản làng của người Thái sống lân cận lại sử dụng rất nhiều thuyền phục vụ cho việc đánh bắt thủy sản và đi lại. Bản Huồi Xuôi người Thái ở xã Mỹ Lý có 173 hộ, thì 100% số hộ có thuyền và 80% trong số đó dùng thuyền để đánh cá. Ở Bản Hòa Lý (xã Mỹ Lý) có 157 hộ người Thái và 8 hộ người Khơ Mú, thì 100% người Thái có thuyền, còn người Khơ Mú không có thuyền³.

Hầu hết người Khơ Mú cho rằng, họ khai thác thủy sản quanh năm. Các loại thủy sản đánh bắt được vào mùa mưa là khoảng 60-70%, mùa khô chiếm khoảng 30-40%. Người Khơ Mú cho biết, thời điểm từ tháng 3 cho đến tháng 11 dương lịch là lúc mưa nhiều, nước sông, suối dâng cao, nước đục là lúc có nhiều cá và các loại sinh vật thủy sinh, nhưng nước to lại gây khó khăn cho đánh bắt. Thời gian từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau nước cạn, dễ đánh bắt nhưng cá, trạch, tôm, ốc... lại khó hơn. Ngoài đánh bắt cá, tôm... thì người Khơ Mú thường đi lấy rêu về ăn, phổ biến vào từ tháng 12 dương lịch đến hết tháng 2 của năm sau.

Nhìn chung, nguồn lợi thủy sản là tài nguyên khá quan trọng đối với người Khơ Mú. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, có nhiều nhân tố làm suy giảm nguồn tài nguyên này: do dân số tăng lên; giá trị của các nguồn lợi thủy sản ở miền tây Nghệ An được nhiều người biết; sử dụng ngư cụ chưa hợp lý; khai thác quá mức; ảnh hưởng của việc tàn phá rừng tự nhiên; chất thải nông nghiệp, công nghiệp, làm thủy điện. Các loại cá to ngày càng hiếm, trong khi đó những loại cá nhỏ và các loài thủy sinh khác ngày càng trở nên cạn kiệt.

3. Thủy sản cung cấp nguồn thực phẩm quan trọng

Người Khơ Mú coi các nguồn lợi thủy sản là những thực phẩm quan trọng trong đời sống hàng ngày. Vì đó là những nguồn lợi thủy sản có sẵn trong tự nhiên cung cấp thực phẩm tại chỗ và ưa thích của họ. Hầu hết người dân đều có các hoạt động khai thác thủy sản để phục vụ cho bữa ăn hàng ngày của họ, nhưng quy mô, tần suất ở các hộ cũng rất khác nhau. Nhìn chung, mỗi bản của người Khơ Mú cũng chỉ có từ 5-7 hộ có hoạt động đánh bắt thủy sản thường xuyên. Những hộ này không chỉ đánh bắt để ăn mà họ còn mang bán. Ngoài ra, những hộ gia đình khác tham gia đánh bắt thủy sản chỉ để đối phó với việc thiếu thực phẩm, cải thiện bữa ăn và tranh thủ thời gian rảnh rỗi. Người dân ở bản Nhã Cù, xã Tà Cạ cho biết: “Chúng tôi đi hàng ngày, nhìn chung đi (đánh bắt cá) chỉ đủ ăn, phục vụ bữa cơm nhà thôi, một lần đánh được 5 lượng thôi” [3]. Người dân ở bản Xốp Típ, xã Mường Ải thì cho rằng: “Ăn cá nhiều lần, mỗi tháng kiếm cá 7-8 lần, có tháng đi liên tục, có tháng cũng không thể đi liên tục được vì phải làm nương nữa chứ, không đi xúc (cá) thì không có gì để ăn” [3].

Người Khơ Mú cho rằng họ có cá ăn thường xuyên, đồ rừng tuy nhiều hơn, nhưng đồ trong rừng có mùa, còn thủy sản thì có thể có quanh năm. Trong thành phần bữa ăn của người Khơ Mú có lúc thì thực phẩm ở sông chiếm 70%, một số nhóm cho rằng, thực phẩm từ rừng chiếm 50%, từ sông chiếm 50%. Việc đánh giá mức độ về tầm quan trọng của thực phẩm có nguồn gốc từ thủy sản tỷ lệ thuận với cự ly cư trú của người dân bản địa có gần sông, suối⁴.

Khi đánh bắt được cá, người Khơ Mú có nhiều cách chế biến, phổ biến nấu cá lạng, cá ghé vẫn là món nấu canh chua với lá me hoặc măng. Đối với cá mát họ hay dùng để kho, rán và nướng. Ngoài ra, nếu hôm nào được nhiều cá mà không bán thì họ có thể phơi khô, ướp muối để trong lọ, xào mặn... để cả tháng ăn dần. Đối với rêu thì người Khơ Mú thường phơi khô, hoặc lấy về rửa sạch để nấu canh. Nồng nọc dưới suối bắt về rửa sạch và người Khơ Mú nấu với hoa chuối rừng. Một trong những món ăn truyền thống được ưa thích và gắn liền với phong cách ẩm thực của người Khơ Mú đó là món “Nhoọc” (theo tiếng Thái) hay “UUR” (theo tiếng Khơ Mú). Nguyên liệu của món ăn này là cà ngọt và ớt cay được cho vào ống nứa, sau đó cho thêm tấm của gạo nếp vào cá suối nướng hoặc thịt “giàng” trên bếp, đổ nước vào ống nứa và đun kỹ để cho các nguyên liệu chín nục. Sau đó vừa đun vừa lấy đũa chọc, khuấy đảo nhiều lần cho nhuyễn rồi mang ra để chấm với xôi nếp nướng.

Những nghiên cứu trước đây về người Khơ Mú thường mô tả họ như những người con của núi rừng, kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào nương rẫy và các hoạt động khai thác tự nhiên từ rừng, là tộc người có tỷ lệ đói nghèo cao. Nhìn chung, nương rẫy và rừng là nguồn sống chủ yếu của tộc người này. Rừng bảo vệ cho đất đai khỏi bị xói mòn và cung cấp nhiều loại sản phẩm cho đời sống của người Khơ Mú. Các sản phẩm thu hoạch từ nương rẫy, chăn nuôi

và khai thác các sản phẩm tự nhiên từ rừng trở thành nguồn chính cho bữa ăn của người Khơ Mú. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh rừng bị tàn phá, dân số đông, tài nguyên từ rừng bị khai thác ngày càng cạn kiệt thì việc đa dạng hóa nguồn cung cấp lương thực và thực phẩm tại chỗ ngày càng trở nên quan trọng đối với người Khơ Mú. Có thể nói, việc khai thác các nguồn lợi thủy sản từ tự nhiên của người Khơ Mú ở miền tây Nghệ An không trở thành nguồn sinh kế chính, nhưng nó mang một ý nghĩa quan trọng đối với tình trạng thiếu thực phẩm ở tộc người này hiện nay.

4. Thủy sản góp phần cải thiện kinh tế hộ gia đình

Đối với người Khơ Mú, ngoài việc làm nương rẫy là hoạt động kinh tế chính thì họ có rất nhiều thời gian rảnh rỗi. Hoàng Xuân Lương cho rằng, ngày công lao động của người Khơ Mú so với người Thái, người Mông cùng sinh sống trong vùng, là thấp nhất (người Khơ Mú là 100-120 ngày/1 năm; người Thái là 160-280 ngày/1 năm và ở người Mông là 180-220 ngày/1 năm). Nhìn chung, hoạt động kinh tế của người Khơ Mú chủ yếu xoay quanh nương rẫy [5].

Hầu như hộ nào của người Khơ Mú cũng có người tham gia khai thác thủy sản, thông thường thì mỗi hộ có khoảng 2-3 người tham gia, kể cả người lớn và trẻ em. Trong hoạt động khai thác thủy sản, có thể thấy rõ sự phân công lao động theo giới, theo đó người đàn ông thường đánh bắt các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn, đòi hỏi kỹ năng và sức khỏe (giăng lưới, chài... để bắt các loại cá to), trong khi đó phụ nữ thường mò rêu, bắt ốc, xúc tôm, cua và các loại cá nhỏ ít có giá trị hơn về mặt kinh tế). Một người dân cho rằng: “Mức độ đi đánh bắt cá, ngày không ngày có, bởi vì không có việc mới đi, có nhà ngày nào cũng đi thả câu, đi chài, đi

xúc nhưng đi chài đi lưới có bữa được, bữa không được, đi về không cũng có, nếu ở nhà thì ngày nào cũng đi thả câu, chài lưới, xúc. Trung bình tuần đi 4 lần, có nhà chú Thông ngày nào đánh cá cũng được, còn đưa cá đi đổi rau ăn. Trẻ con cũng đi lấy rêu được” (nam 54 tuổi, bản Hòa Lý, xã Mỹ Lý) [3]. Việc khai thác thủy sản không chỉ đóng góp thực phẩm vào bữa ăn hàng ngày của hộ gia đình mà còn góp phần giải quyết việc làm vào lúc nhàn rỗi, giảm việc tụ tập uống rượu đối với người dân. Ngoài ra, hoạt động này còn thúc đẩy thương mại và giao lưu tộc người một cách gián tiếp thông qua các hoạt động mua bán ngư cụ và các sản phẩm thủy sản khai thác được.

Khơ Mú là tộc người có tỷ lệ nghèo cao nhất ở Nghệ An, tính chung toàn tỉnh thì người Khơ Mú có tỷ lệ nghèo gần 75%, riêng huyện Kỳ Sơn là 79, 2% [2, tr.79-89]. Tại các bản khảo sát, người Khơ Mú có tỷ lệ nghèo từ 70% trở lên. Theo báo cáo mới nhất của Ủy ban Dân tộc và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) năm 2017, thì Khơ Mú là tộc người có thu nhập bình quân đầu người/tháng là 511.700 đồng, thuộc nhóm thấp nhất trong số 53 dân tộc thiểu số (chỉ đứng trên người Mảng là 436.000 đồng) [8].

Nông nghiệp làm rẫy là hoạt động kinh tế quan trọng nhất mang lại thu nhập cho người Khơ Mú. Nếu xét về số lượng các hộ tham gia canh tác nương rẫy thì 100% số hộ của các bản đều tham gia làm nương rẫy và họ coi đó là hoạt động kinh tế chính mang lại nguồn sống cho người dân. Tiếp theo là nguồn thu nhập từ khai thác lâm thổ sản (như lấy các loại dược liệu, mật ong, rau, măng). Hoạt động kinh tế thứ ba là chăn nuôi, nhưng chủ yếu là theo hình thức thả rông. Ngoài ra, người Khơ Mú còn đi làm thuê. Hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản để ăn, bán và trao đổi được xếp cuối cùng.

Thủy sản khai thác được của người Khơ Mú là khá đa dạng. Có hai dạng phổ biến là sản phẩm thủy sản có giá trị cao (các loại cá lớn, thịt ngon, bán cho người khác được giá cao) và sản phẩm thủy sản có giá trị thấp (các loại cá, tôm có kích cỡ nhỏ hay các loại rong, rêu, ốc... giá để bán các loại này thường thấp nên người dân chủ yếu là để ăn). Người dân cho biết cá lăng có giá từ 400 đến 700 nghìn đồng/kg tùy vào trọng lượng cá, mỗi kilôgam cá ghé cũng có giá tương tự. Trong khi đó, cá mát có giá từ 150-200 nghìn đồng/kg, cá nòng nọc có giá từ 60-70 nghìn đồng/kg... Nếu gia đình nào mang được cá ra thị trấn Mường Xén để bán thì có giá cao hơn, chẳng hạn như cá lăng loại to sẽ được giá khoảng 600-800 nghìn đồng/kg.

Người Khơ Mú ở các bản được khảo sát cho rằng, trong bản thường rất ít hộ chuyên đi đánh cá để bán, đó chỉ là việc làm thêm khi rảnh rỗi. Như vậy, khai thác thủy sản không phải là nguồn sinh kế mang lại thu nhập chính cho người dân, nhưng đối với nhiều người khai thác thủy sản cũng góp phần đáng kể vào nguồn thu nhập ít ỏi của không ít hộ gia đình người Khơ Mú. Người dân cho rằng, khai thác thủy sản đóng góp khoảng 10-30% tổng thu nhập tùy từng bản [3].

5. Kết luận

Nguồn lực tự nhiên về thủy sản trong sinh kế tại địa bàn có người Khơ Mú sinh sống ngày càng giảm. Ở những nơi nước sâu, cá to, nguồn lợi thủy sản dồi dào thì người Khơ Mú ít có kinh nghiệm và nguồn lực cần thiết để khai thác. Do điều kiện kinh tế còn khó khăn, tỷ lệ đói nghèo cao, nên việc mua sắm thuyền và ngư cụ đối với người Khơ Mú ở những địa bàn khảo sát là điều không dễ dàng. Trong khi đó, cư dân Thái sống lân cận có điều kiện kinh tế cao hơn, có đủ nguồn lực tài chính mua sắm thuyền

để đi lại và đánh bắt thủy sản. Điều này giúp người Thái hưởng lợi từ nguồn tài nguyên thiên nhiên này một cách dễ dàng hơn và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Thực tế cho thấy, nguồn lực xã hội của người Khơ Mú trong khai thác các nguồn thủy hải sản là khá mờ nhạt, ít có sự liên kết trong việc khai thác các nguồn lợi này, chủ yếu là hoạt động của các cá nhân riêng lẻ mà chưa có sự liên kết với nhau giữa các thành viên trong cộng đồng. Việc tiêu thụ các sản phẩm sau khi đánh bắt được chủ yếu dùng cho bữa ăn hàng ngày hoặc là bán và trao đổi ngay tại bản. Đối với người Thái sinh sống trong vùng, bên cạnh việc khai thác nhỏ lẻ của các hộ gia đình, họ cũng thường có mối liên kết với nhau từ hai, ba hộ cùng khai thác, đôi khi là cùng chung nhau một chiếc thuyền để đánh bắt cá trên sông. Trong việc tiêu thụ thủy sản, người Thái cũng thường có mối liên hệ ở một không gian rộng lớn hơn, không chỉ là bán cho người dân trong cùng khu vực cư trú mà họ còn bán cho những thương lái, các nhà hàng ở thị trấn trong vùng.

Mặc dù vậy, khai thác thủy sản vẫn đóng một vai trò quan trọng trong sinh kế của người Khơ Mú ở miền tây Nghệ An, không chỉ là hoạt động phụ trợ lúc nông nhàn mà còn đóng góp vào thu nhập của không ít hộ gia đình. Quan trọng hơn, khai thác thủy sản đóng vai trò là nguồn bổ sung dinh dưỡng để ứng phó với tình trạng thiếu thực phẩm của người Khơ Mú. Ngày nay, do nhiều nguyên nhân đã làm cho nguồn thủy sản trên địa bàn cư trú ngày càng cạn kiệt, khiến cho nguồn sinh kế của tộc người này đã khó khăn càng trở nên khó khăn hơn.

Chú thích

² Bao gồm các bản: Nhân Lý, Nhân Cù, Sa Vang, Na Nhu (xã Tà Cạ), Hạt Tà Vén, Huồi Phuôn 1 (xã

Keng Đu), Xốp Típ (xã Mường Ải), Hòa Lý (xã Mỹ Lý) và bản Ta Do (xã Mường Típ).

³ Việc sử dụng thuyền của người Thái không chỉ là thói quen mà nó còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của hộ gia đình. Việc mua sắm một chiếc thuyền máy ở miền tây Nghệ An là khá đắt đỏ. Nhìn chung, điều kiện kinh tế của các hộ gia đình người Thái là cao hơn rất nhiều so với người Khơ Mú, nên người Thái mua sắm nhiều thuyền để đi lại và đánh bắt cá hơn người Khơ Mú là dễ hiểu. Ở khía cạnh khác, việc thiếu phương tiện đánh bắt là một phần nguyên nhân làm cho người Khơ Mú ở miền tây Nghệ An yếu thế hơn trong việc khai thác thủy sản so với người Thái.

⁴ Chẳng hạn người dân ở các bản Nhân Cù, Sa Vang (xã Tà Cạ) gần sông hơn thì cho rằng tỷ lệ nguồn thủy sản trong bữa ăn cao, trong khi người dân ở các bản Huồi Phuôn 1 hay Hạt Tà Vén (Keng Đu) ở xa sông, suối hơn thì đánh giá cơ cấu bữa ăn có nguồn gốc thủy sản ít hơn và nguồn gốc thực phẩm từ rừng cao hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Tất Chung (2001), *Văn hoá vật chất của dân tộc Khơ Mú ở Nghệ An*, Luận văn tiến sĩ, Viện Dân tộc học.
- [2] Trần Văn Hà và cộng sự (2009), “Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa và xã hội đến cơ chế ứng phó với tình trạng thiếu lương thực của người Khơ Mú ở Kỳ Sơn, Nghệ An”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1&2.
- [3] Lê Mạnh Hùng (2017), *Khảo sát, phỏng vấn người Khơ Mú ở Nghệ An*.
- [4] Nguyễn Đình Lộc (1993), *Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An*, Nxb Nghệ An, Tp. Vinh.
- [5] Hoàng Xuân Lương (2004), *Nghiên cứu các giải pháp và mô hình vượt đói giảm nghèo cho đồng bào K'Mu Nghệ An*, Báo cáo nghiên cứu, Tp. Vinh.
- [6] Đặng Nghiêm Vạn (1974), “Bước đầu tìm hiểu lịch sử phân bố cư dân ở miền núi Nghệ An”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
- [7] <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&ItemID=10798>
- [8] <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/vi/home/library/poverty/bao-cao-53-dan-tc.html>
- [9] <http://vov4.vov.vn/TV/gioi-thieu/dan-toc-kho-mu-cgt2-81.aspx>

